

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 23/2019/HS - ST
Ngày: 17/7/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Hồ Viết Ân

2. Thái Thị Thủy Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: Ông Nguyễn Văn Báu – KSV.

Trong ngày 17/7/2019, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST - HS ngày 29/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST – HS ngày 04/7/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn H1 – sinh năm 1995 tại Bà Rịa Vũng Tàu

Tên gọi khác: Sinh

HKTT: ấp 9, XT, Cẩm Mỹ, Đồng Nai

Nghề nghiệp: không; TĐHV: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn H2 - sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị M - 1974; vợ: Nguyễn Hoàng Y – sinh năm 1996; con: có 01 con sinh năm 2015; tiền án: 02; ngày 22/6/2016 bị TAND huyện Cẩm Mỹ xử phạt 08 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” – chấp hành xong ngày 24/11/2016, ngày 08/6/2017 bị TAND huyện Cẩm Mỹ xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” – chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05/8/2018; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam ngày 12/3/2019, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Đàm Quốc T1 – 1971, TQ: ấp 9 – SR – CM - Đồng Nai (có mặt)

2. Hoàng Văn T2 – 1972, TQ: tổ 10 - ấp 9 – SR – CM - Đồng Nai (vắng mặt)

*** Người tham gia tố tụng khác:**

1. Vi Thị T3 – 1967, TQ: tổ 11 - ấp 9 – SR – CM - Đồng Nai (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị X – 1973, TQ: ấp 9 – SR – CM - Đồng Nai (vắng mặt)

3. Lê Hữu Q – 1974, TQ: ấp 9 – SR – CM - Đồng Nai (vắng mặt)

4. Phạm Văn T4 – 1994, TQ: ấp 9 – SR – CM - Đồng Nai (vắng mặt)

5. Nguyễn Thị Ngọc D – 1996, TQ: ấp 9 – XT – CM - Đồng Nai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30/12/2018, H1 đi bộ từ ấp 9 – SR sang chợ mới thuộc ấp 1 – SR để tìm bạn. Khi đi ngang qua nhà anh T2 thì phát hiện nhà anh T2 khóa cửa, không người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. H1 lấy 01 cái mỏ lết ở trước nhà anh T2, dùng để bẻ khoen khóa cửa bên hông nhà hình L rồi đi vào nhà. H1 lấy trộm 01 điện thoại di động cũ không rõ nhãn hiệu, sử dụng nút bấm bỏ vào túi quần rồi lấy cái máy cưa hiệu STIHL MS 170 bỏ vào 01 cái túi đưa ra gần cửa hình chữ L và quay vào tiếp tục tìm kiếm tài sản. Khoảng 20 phút sau, thấy anh T2 quay trở về nên H1 chạy ra sau bếp lấy 01 con dao dài khoảng 40cm, chạy ra khỏi nhà, bỏ lại máy cưa. Anh T2 tri hô và đuổi theo H1 nhưng không đuổi kịp nên quay về nhà kiểm tra tài sản bị mất. Theo anh T2 thì anh bị mất 01 đôi bông tai vàng 18 k có trọng lượng 9 phân 8 ly và 01 ĐTDĐ màu đen hiệu OPPO J3, chiếc điện thoại di động cũ không rõ nhãn hiệu, sử dụng nút bấm không phải của anh và anh cũng không mất tài sản này. H1 không thừa nhận đã lấy trộm những tài sản như anh T2 liệt kê.

Trên đường bỏ trốn, H1 đi ngang nhà anh Đàm Quốc T1 thì phát hiện 01 xe Yamaha Sirius biển số 60T9 – 5694 dựng ngoài sân, có sẵn chìa khóa, không người trông coi nên H1 đã lấy xe này tẩu thoát. Đến 23 giờ cùng ngày, H1 đi ra ngoài tp. L bán chiếc điện thoại di động cho một người không quen biết được 100.000 đồng. Còn chiếc xe thì đem về nhà cất giấu. Chị D – em gái của H1 – có hỏi xe của ai nhưng H1 nói là xe mượn của bạn nên chị D không hỏi gì thêm. Khoảng 01 tuần sau thì H1 đem chiếc xe này qua xã B bán cho 01 đối tượng tên Đen không rõ lai lịch được 2.000.000 đồng, Đen đưa trước 1.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng thì nợ lại. Đến ngày 12/3/2019 thì H1 ra đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 15/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cẩm Mỹ xác định 01 xe Yamaha Sirius màu xám bạc biển số 60T9 – 5694, đăng ký lần đầu vào tháng 02/2006, tính đến thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 6.400.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 22/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cẩm Mỹ xác định 01 máy cưa hiệu STIHL MS 170 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 3.240.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 9.640.000 đồng.

* Vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- 01 xe Yamaha Sirius màu xám bạc biển số 60T9 – 5694 không thu hồi được, anh T1 yêu cầu H1 bồi thường cho anh 6.400.000 đồng.

- 01 máy cưa hiệu STIHL MS 170 anh T2 đã nhận lại và không yêu cầu gì thêm.

* Tại bản Cáo trạng số 23/CT – VKS - CM ngày 27/5/2019 VKSND huyện Cẩm Mỹ đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn H1 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 điều 173 BLHS với mức hình phạt: 3 – 4 năm tù. Buộc bị cáo bồi thường cho anh T1 6.400.000 đồng.

* Bị hại Hoàng Văn T2 vắng mặt nên tiến hành công bố lời khai.

* Bị hại Đàm Quốc T1 yêu cầu HĐXX xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo đúng quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe 12.000.000 đồng.

* Người làm chứng vắng mặt nên tiến hành công bố lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn H1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. theo điểm g khoản 2 điều 173 BLHS.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy:

Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, có đủ sức khỏe, năng lực và khả năng lao động để kiếm thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn kiếm tiền nhanh mà không tốn công sức lao động nên bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân anh T2 – anh T1 mà còn gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

Do đó, cần áp dụng một mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là cần thiết.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, ra đầu thú.

[4] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo vừa trộm tài sản nhà anh T2 rồi trộm tài sản nhà anh T1 là phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 52BLHS.

[5] trách nhiệm dân sự: anh T2 không yêu cầu gì thêm nên không xét. Anh T1 yêu cầu H1 bồi thường cho anh số tiền 12.000.000 đồng trị giá xe là không hợp lý, chỉ đủ cơ sở để chấp nhận số tiền 6.400.000 đồng.

[6] Xét ý kiến của vị đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của HĐXX về tội danh, khung điều luật, loại hình phạt và cách xử lý trách nhiệm dân sự nên được chấp nhận.

[7] Trong quá trình điều tra, truy tố hành vi – quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn H1 phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn H1 – 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 48 BLHS: Buộc H1 bồi thường cho anh T1 số tiền 6.400.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh T1, nếu bị cáo H1 chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất cơ

bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí: áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo H1 nộp 200.000 đồng án phí HSST và 320.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Báo cho bị cáo, bị hại T1 biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh T2 thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh,
- VKS ND huyện, tỉnh,
- Các đương sự,
- THA huyện,
- Lưu, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng